

Mình Oan

Cho

Cụ Nghè

CHU MẠNH TRINH

■ **VŨ LỤC THỦY**

Mùa xuân năm Ất tỵ (1905), niên hiệu Thành Thái thứ 17, viên tuần phủ Hưng Yên kiêm Khâm sai Quân Thù Bắc Kỳ Lê Hoan muốn dùng thi thơ để khiến húng, nên đã tổ chức cuộc thi vịnh quyền Kim Vân Kiều Truyện của Thanh Tâm Tài Nhân, người cuối đời Minh nước Tàu. Sách này chỉ là cuốn tiểu thuyết rẻ tiền, kể lại cuộc đời trôi nổi của Thúy Kiều, nhưng sau này cụ Tiên Điền Nguyễn Du đã dựa vào đó để sáng tác quyển truyện Kiều bằng chữ Nôm, một tác phẩm văn học vô tiền khoáng hậu của nước ta. Bấy giờ, rất nhiều danh sĩ cùng các nhà khoa bảng ở Hưng Yên cùng các tỉnh khác như Nam Định, Hà Nội, Hà Đông,... nhiệt liệt hưởng ứng cuộc thi vịnh này. Trong số các vị đó, người ta còn nhớ được danh tính như cụ Chu Thấp Hy người làng Đào Xá, tổng Tạ Xá, huyện Kim Động, phủ Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; cụ cử Nguyễn Tấn Cảnh (con cụ hoàng giáp Nguyễn Tư Giản tức Nguyễn Văn Phú, và là thân phụ nhà văn Nguyễn Triệu Luật) người làng Du Lâm, tổng Hội Phụ, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, lúc đó đang làm tri huyện huyện Văn Lâm tỉnh Hưng Yên; cụ cử Đặng Đức Cường người làng Hành Thiện,

huyện Giao Thủy, phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định; cụ cử Phan Thạch Sơ; cụ cử Nguyễn Kỳ Nam người làng Nam Du, tổng Thanh Trì, huyện Thanh trì, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông; cụ Thế Vọng Phan Mạnh Danh người làng Phù Ủng, tổng Huệ Lai, huyện Ân Thi, phủ Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; cụ cử Tào Trang Lê Lượng Thế người thôn Tiêu Hà, huyện Thọ Xương Hà Nội; cụ cử Nguyễn Chí Đạo người tỉnh Bắc Ninh...

Các vị văn nhân tài tử khắp nơi đã rủ nhau về dinh tuần phủ họ Lê để tham dự cuộc đua tài tao nhã này. Nhân tiện cũng nên nói rõ là Lê Hoan lúc đó làm tuần phủ chứ không phải tổng đốc Hưng Yên. Hưng Yên là tỉnh nhỏ, nên vị quan đầu tỉnh không phải tổng đốc như các tỉnh lớn, mà chỉ là tuần phủ.

Tuần phủ Lê Hoan đã mời cụ Tam Nguyên Nguyễn Khuyến người làng Yên Đỗ, tổng Yên Đỗ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam và cụ nghè Dương Khuê người làng Vân Đình, tổng Phương Bình, phủ ứng hòa, tỉnh Hà Đông làm đồng chủ khảo cuộc thi thơ đặc biệt này. Khi đó cụ Nguyễn Khuyến đã cao niên, không muốn dính dáng đến việc thiên hạ nữa; nhưng dường như bị nài ép quá, khiến cụ không thể chối từ, nên đành miễn cưỡng nhận lời tới Hưng Yên để duyệt phê những hàng châu ngọc của các tao nhân mặc khách đương thời.

Qua bài "Vịnh, Nàng Kiều Bán Mình" sau đây, tưởng cũng có thể hiểu được phần nào tâm sự của cụ Tam Nguyên Yên Đỗ lúc bấy giờ:

*Thằng bán tơ kia giờ giới ra,
Làm cho bận đến cụ Viên già.
Muốn êm phải biện ba trăm lạng,
Khéo xếp nên liều một chiếc thoa.
Đón khách mượn màu son phấn mụ,
Bán mình chuộc tội lấy tình cha.
Có tiền việc ấy mà xong nhỉ!
Đời trước làm quan cũng thế a?*

*
* *

Theo thể lệ ban tổ chức đặt ra, thì các nhà thơ phải theo sát 20 hồi, trong quyển Kim Vân Kiều Truyện bằng chữ Nho của Thanh Tâm Tài Nhân, để mỗi hồi

làm một bài vịnh. Các bài vịnh có thể bằng chữ Nho hay chữ Nôm đều được cả.

Sau khi ban giám khảo phê điểm, cụ nghệ Chu Mạnh Trinh người làng Phú Thị, tổng Mễ Sở, phủ Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên chiếm giải nhất về thơ Nôm và cụ cù Chu Thấp Hy giữ quán quân về thơ chữ Nho.

Trước khi có cuộc thi thơ này, cụ nghệ Chu Mạnh Trinh đã nổi tiếng là nhà thi sĩ tài hoa phong nhã, nay lại đứng đầu về thơ Nôm trong cuộc thi, khiến mọi người càng khâm phục tài văn chương của cụ hơn nữa.

Hai mươi bài thơ Nôm vịnh Kiều này của cụ Chu Mạnh Trinh người đời quen gọi là "Thanh Tâm Tài Nhân Thi Tập", đã được nhiều người thuộc lòng. Những bài thơ đó rất mực bay bướm tài tình; như hồi thứ nhất vịnh nàng Kiều đi hội thanh minh:

*Màu Xuân ai khéo vẽ nên tranh,
Nô nức đua nhau hội đạp thanh.
Phận bạc ngậm ngùi người chín tuổi,
Duyên may dạn dĩ khách ba sinh.
Dây hoa nếp mặt gương lồng bóng,
Ngàn liễu rung cương sóng gọi tình.
Man mác vì ai thêm ngán nỗi,
Đường về chiêng đã gác chành chành.*

Người nào đọc đến cũng phải khen ngợi và cho rằng đó là những hàng châu ngọc trong kho tàng thi ca nước nhà.

Hồi thứ 12 vịnh "Kiều Lấy Thúc Sinh", cụ Chu Mạnh Trinh hạ bút:

*Màng vui quán Sở lại lầu Tần,
Lựa sợi tơ vương chấp mối duyên.
Núi tác hợp nhờ tay Tào hóa,
Bể trầm luân thoát nợ phong trần.
Lửa hương tình lại âu duyên mới,
Mưa gió hoa càng sáng vẻ Xuân.
Tuồng lúc cung đàn khi cuộc rượu,
Giăng thề soi bóng vện mười phân.*

Sau đây là bài vịnh cũng cùng cảnh này của cụ cù Nguyễn Kỳ Nam:

*Nghìn vàng mua chuộc chút thuyền duyên,
Lửa lọc bao lâu mới phủ nguyên.
Bọt đã biết nhau xin lạy bọt,
Duyên may xe lại khéo vừa duyên.
Vĩ không hoà chiến nhờ tay thợ,
Sao bỗng trần ai nhẹ gót tiên.
Trong ấm ngoài êm sau mới biết,
Nước non này đã thỏa tình riêng.*

Hồi thứ 25 vịnh anh chàng Thúc Sinh trốn vợ, lên lút đến thăm nàng Kiều, cụ cù Lê Lượng Thế viết:

*Ràng bước tay già chữa khỏi vòng,
Âm thầm trăm mối để bên lòng.
Nỗi niềm muốn ngỏ, hai tai vách,
Nghiên bút qua lần, tựa cửa không.
Hoa sớm sẽ đem cành nước rẩy,
Giăng thề đành để lớp mây phong.
Trướng loan chung gọi đêm thu nợ,
Ai kẻ thương vay bạn má hồng!*

Còn dưới ngọn bút của cụ Chu Mạnh Trinh thì:

*Nhặt nhèo mùi thiền bữa muối rau,
Chuông rền mõ gõ lại thêm sầu.
Cầm bằng nường nấu qua ngày bụi,
Đã chắc nguồn cơn trọn kiếp tu?
Hai chữ nhân duyên cơn gió thoảng,
Một mình đèn sách ánh trăng thu.
Bể trầm luân biết đâu là bến,
Tế độ nhờ tay bắt lấy cầu.*

*
* *

Hồi thứ 6 vịnh cảnh "Nàng Kiều Bán Minh Châu Cha", cụ Chu Mạnh Trinh viết:

Tình trong uy pháp chẳng qua tiền,
 Lo liệu sao cho được vẹn tuyền.
 Phận bạc cũng liều son với phấn,
 Minh vàng âu dễ trắng thay đen.
 Dấu bèo nhờ có đèn giời rạng,
 Lượn biển dung cho sóng đất êm.
 Minh thịnh nay mừng đời thánh đế,
 Nào phường gái hiểu với quan liêm?

Tương truyền câu kết của bài vịnh hồi này, ban đầu cụ Chu Mạnh Trinh viết là:

Ít phường gái hiểu với khối liêm!

Chữ "khối" đây có nghĩa là nhiều, nhiều lắm, nhiều vô khối, để đối chọi với chữ "ít". Viết như thế cụ Chu Mạnh Trinh có ý mỉa mai thời thế bấy giờ, ngày nay gặp đời thánh đế, chỉ tiếc là có ít hiểu nữ, còn quan trường thanh liêm thì nhiều vô kể. Nhưng sau có mấy danh sĩ "tiểu di" cụ là dùng chữ "khối" có vẻ xước quá, ắt giới quan trường sẽ bất bình, và đề nghị cụ nên sửa lại. Cụ bần khoản mãi, sau cùng cũng chiều ý các bạn thi nhân mà đổi lại là:

Nào phường gái hiểu với quan liêm?

Hồi thứ 9 vịnh cảnh "Kiều Mắc Lận Sở Khanh", cụ Chu Mạnh Trinh hạ:

Những ngừ chìm lờng chấp cánh bay,
 Hoạ khi vận rủi có hồi may.
 Lãng nhơ người cũng coi ra vẻ,
 Bợn xỏ ai ngờ mắc phải tay.
 Hai chữ tin nhân trao gác nguyệt,
 Một roi vó ký tếp đường mây.
 Mẫu đơn vui dập cơn mưa gió,
 Cái nợ yên hoa khéo đoạ đầy.

Đọc bài này, cụ Nguyễn Khuyến đã không hài lòng về cách đối ở câu thứ ba và câu thứ tư, nên không ngần ngại phê rằng:

Rằng hay thì thật là hay,

Nho đối với xô, lão này không ưa.

*
 * *

Vào dịp đầu Xuân năm sau đó, tức Xuân Bính ngọ (1906), có người gửi tặng cụ Tam Nguyên Nguyễn Khuyến một chậu hoa trà. Loại hoa này, tên khoa học là "camelia" thuộc họ "Theaceae" - có nhà thực vật học đặt loại cây hoa này vào họ "Tarstroemiaceae". Lúc đó cụ Nguyễn Khuyến đã lòa, không còn nhìn thấy vẻ đẹp của hoa nữa, mà chỉ có thể thưởng thức hoa bằng khứu giác. Hoa trà có màu sắc thật đẹp, nhưng lại là thứ hoa "hữu sắc vô hương". Vì vậy cụ đâm bực mình, cấu kinh, làm ngay bài "Sơn Trà" để "tạ" lại người đã có nhĩa ý tặng cho chậu hoa. Nguyên tác bài thơ như sau:

Xuân lai khách tặng ngà sơn trà,
 Túy lúy mông lung bất biện hoa.
 Bạch phát thương nhan ngô lão hỹ,
 Hồng bào kim đới tử chân da?
 Tầm thường tế vũ kinh xuyên diệp,
 Tiêu sất thần phong oán lạc đà.
 Cận nhật tương khan duy dĩ ty,
 Liễu vô hương khí nhất kha kha!

Nghĩa là:

Mùa Xuân đến, có người khách tặng ta chậu hoa trà,
 Trong lúc uống rượu say, mắt lèm nhèm chẳng rõ là
 thứ hoa gì.
 Tóc bạc, mặt xanh xao, quả ta đã già rồi,
 Mặc áo đỏ, đeo đai vàng, thật là vị đó ư?
 Mưa phùn tầm thường nhưng cũng sợ xuyên qua lá cây,
 Gió ban mai hiu hắt cũng giận hờn vì làm dài hoa rụng.
 Hồi gần đây ta chỉ biết xem bằng mũi,
 Mà chẳng nghĩ thấy một chút mùi thơm nào,
 làm ta cười hề hề.

Làm xong bài thơ bằng chữ Nho, có lẽ cụ Nguyễn Khuyến thấy chưa tiết hết được nỗi bực mình khó chịu, nên cụ lại tự dịch ra quốc âm, đây về phần học, với nhan đề "Tạ lại người cho hoa trà":

Tết đến, người cho một chậu trà,
 Dương say, ta chẳng biết rằng hoa.
 Da môi, tóc bạc, ta già rồi!
 Áo tía đai vàng, bác đấy a?
 Mưa nhỏ những kinh phường xô lá,
 Gió to luống sợ lúc rơi già.
 Lâu nay ta chỉ xem bằng mũi,
 Đếch thấy mùi thơm. một tiếng khà.

Bài dịch này có một dị bản khác như sau:

Có khách đưa cho một chậu trà,
 Say nhè nào có biết mùi hoa.
 Răng long tóc bạc, ta già rồi!
 Áo đỏ đai vàng, bác đấy a?
 Mưa bụi đã kinh phường xô lá,
 Gió gáy chỉ sợ lúc bay nhà.
 Xem hoa, ta chỉ xem bằng mũi,
 Đếch thấy hơi hương, một tiếng khà!

Câu thứ năm trong bài thơ, hai chữ "xuyên diệp" mà cụ Nguyễn Khuyến dịch ngay thành "xò lá" thì quả thật vừa tài tình vừa hóm hỉnh. Đến câu kết, xem chừng cụ đã cấu kinh lăm, nên mới không ngần ngại dùng cả đến tiếng chửi rất bình dân thông tục trong bản dịch.

Nhiều người vội vã cho rằng chính vì cụ Chu Mạnh Trinh đã "hận" cụ Nguyễn Khuyến về hai câu phê:

Rằng hay thì thật là hay,
 Nho đối với xò, lão này không ưa.

nên mới nhân ngày đầu Xuân gửi tặng cụ một chậu trà hoa cho bố ghét. Có người lại còn căn cứ vào câu:

Hồng bào kim dải tịt chân da?

(Áo tía, đai vàng, bác đấy a?)

để khẳng định rằng cụ Nguyễn Khuyến dùng câu đó để "chửi" cụ Chu Mạnh Trinh. Những người đó lý

luận rằng cụ Chu Mạnh Trinh đậu tam giáp tiến sĩ và giữ chức án sát nên mới được vận phẩm phục "áo tía, đai vàng." Sự thực không phải như vậy. Cụ Chu Mạnh Trinh đậu giải nguyên khoa Bính Tuất (1886), niên hiệu Đồng Khánh thứ nhất, ở trường thi Nam Hà (khoa thi hương này hai trường thi Hà Nội và Nam Định hiệp thí ở Nam Định), rồi đậu tam giáp tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1892), niên hiệu Thành Thái thứ tư. Năm Quý Tỵ (1893), cụ được bổ thụ làm tri phủ phủ Lý Nhân (quen gọi tắt là phủ Lý) tỉnh Hà Nam; mấy tháng sau cụ cáo quan về cư tang thân phụ. Ít lâu sau cụ được triều đình gọi ra làm án sát tỉnh Hưng Yên, chuyển sang án sát tỉnh Hà Nam, án sát tỉnh Bắc Ninh rồi án sát tỉnh Thái Nguyên. Đến năm Quý Mão (1903), niên hiệu Thành Thái thứ 15, cụ cáo quan về hưu. Theo qui chế phẩm phục của triều đình nhà Nguyễn ngày trước, thì "hồng bào, kim dải" dành cho các bậc "tổng đốc dĩ thượng", còn chức án sát như cụ Chu Mạnh Trinh thì chưa được vận phẩm phục "áo tía, đai vàng".

Cụ Chu Mạnh Trinh mất năm Ất Tỵ (1905), niên hiệu Thành Thái thứ 17, ngay năm có tổ chức cuộc thi thơ ở Hưng Yên. Vậy trong dịp tết Bình Ngô (1906), hay tết một năm nào sau đó, làm sao cụ có thể tặng hoa cho cụ Tam Nguyên Nguyễn Khuyến được? Rõ ràng người gửi tặng chậu hoa trà cho cụ Nguyễn Khuyến là một vị khác, không thể là cụ Chu Mạnh Trinh như trước nay nhiều người lầm tưởng. Vị đó là ai?

Hy vọng trong một dịp khác, ta sẽ viết thêm nhiều chi tiết về cuộc thi thơ ở Hưng Yên năm Ất Tỵ (1905) và đề cập đến danh tánh người đã biếu chậu hoa trà cho cụ Tam Nguyên Nguyễn Khuyến.

VŨ LỤC THỦY

(trích Tuổi Thơ)

